

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2019/HS-ST**

Ngày 08/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đặng Hữu T**

2/ Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 69/2019/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

01/ **Nguyễn Văn T**; sinh năm 1992; Nơi cư trú: Không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1969; Vợ tên Tống Thị Bé H; sinh năm 1998 và có 01 người con sinh năm 2019; Tiền sự: Không.

Tiền án có 01 tiền án: Ngày 12/9/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2012/HS-ST ngày 12/9/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2019, (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Tr Thọ** – Luật sư Thộc đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

02/ **Trần Minh T1**; sinh ngày 18/02/1991; Nơi cư trú: Số 906/6 NTT, phường AH, thành phố RG, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Minh Ch; sinh năm 1969 và bà Lâm Thị C Nh; sinh năm 1966; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên vào ngày 07/01/2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2009/HS-ST ngày 07/01/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2019, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông **Võ Văn Mạnh** – Luật sư Thộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

03/ **Nguyễn Văn H**; sinh năm 1991; Nơi cư trú: Không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1969; Vợ tên Lê Thị Thúy V; sinh năm 1995 và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên vào ngày 19/09/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân Tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án hình sự phúc thẩm số: 213/2012/HS-PT ngày 19/9/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2019, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

- 1/ Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 2/ Anh **Trương Thanh Tr**, sinh năm 2000 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 3/ Bà **Trần Thị Mỹ Tr1**, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 4/ Anh **Trương Thanh D**, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 5/ Chị **Ngô Tú Tr3**, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp VT, xã VHH, CT, KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Bà **T. Th**, sinh năm 1969 (có mặt)

Trú tại: KP 2, phường AB, TP. RG, tỉnh KG.

- 2/ Chị **Tổng Thị Bé H**, sinh năm 1998 (có mặt)

Trú tại: ấp XD 3, xã ĐY, huyện AB, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 20 tháng 6 năm 2019, Nguyễn Văn T kêu Nguyễn Văn H đi đến nhà của Trần Minh T1 tại thành phố Rạch Giá để rước T1 đến nhà T Thê Thộc ấp Phước Hòa, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang chơi. Khi T1 đến nhà T chơi được một lúc, lúc này T rủ T1 đi trộm cắp tài sản thì T1 đồng ý. Đến khoảng 00 giờ ngày 21 tháng 6 năm 2019 T nói “đi nè” thì T1 hiểu ý là rủ đi trộm cắp tài sản. Sau đó, T kêu H điều khiển xe mô tô biển số: 83F7-1458 chở T và T1 đi đến khu vực Tà Niên Thộc ấp VT, xã VHH, CT, KG thì dừng lại cho T và T1 xuống, T nói với H “về đi tao kiểm điện thoại xài”. “Có gì điện thoại quay lại rước”. Nghe vậy H biết rõ T và T1 đi tìm tài sản trộm nhưng H vẫn đồng ý và điều khiển xe về nhà.

Sau đó T và T1 đi bộ cặp lộ thì T thấy nhà của ông Nguyễn Văn N, ở ấp VT, xã VHH, CT, KG không khóa cửa nên T và T1 lén lút đi vào bên trong để trộm tài sản. Khi vào trong nhà T đi đến chỗ anh N đang ngủ lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 Plus, màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Cayennes, màu xanh để trên đầu nằm. T và T1 tiếp tục vào phòng của chị Ngô Tú Tr3 (con anh N) lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu đỏ điện thoại này T1 giữ, 01 giấy đăng ký xe loại B2 của anh Trương Thanh D (Chồng chị Tr3), Giấy phép lái xe này T1 đã ném bỏ tại hiện Tr; T tiếp tục lấy 01 đồng hồ đeo tay loại của nam, màu trắng, nhãn hiệu Curren; 01 đồng hồ đeo tay loại của nữ, màu vàng, nhãn hiệu Rolex. T1 lấy 01 (một) ba lô màu đen, nhãn hiệu ZARA bên trong 01 hộp phấn trang điểm, màu đen, nhãn hiệu Artistry, 01 nón bảo hiểm có kính che mặt, màu đỏ-xám, nhãn hiệu Royal và 01 nón bảo hiểm có kính che mặt, màu đen, nhãn hiệu Agu. Tiếp đó T và T1 tiếp tục đi qua phòng trọ của chị Trần Thị Mỹ Tr1 gần nhà anh N lấy trộm 01 xe đạp hiệu FONIX màu xanh đậu phía trước phòng rồi cả hai bỏ đi.

Sau khi lấy trộm tài sản, T dùng điện thoại di động loại bàn phím, màu đen không rõ đời máy của T1 gọi điện cho H chạy xe đến để rước T và T1. Một lúc sau H chạy xe đến chỗ T1, còn T thì lên xe đạp cho T1 đẩy về. Trên đường chạy về H nói với T1 cho H cái ba lô màu đen, thì T1 đồng ý. Khi về đến nhà H lấy cái ba lô màu đen bên trong có hộp phấn và mượn T điện thoại di động nhãn hiệu Cayennes

để sử dụng. T1 lấy điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu đỏ. Tài sản còn lại do T cất giữ. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra mời T1 về làm việc. Tại Cơ quan điều tra T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Điều tra đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của T và H Th giữ được các tài sản mà T, H và T1 đã lấy trộm.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 23 ngày 28 tháng 06 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Châu Thành kết luận:

- 01 hộp phấn trang điểm nhãn hiệu Artistry có giá trị là: 1.493.300 đồng
- 01 đồng hồ đeo tay nam nhãn hiệu Curren có giá trị là: 316.300 đồng
- 01 đồng hồ đeo tay loại của nữ, nhãn hiệu Rolex có giá trị là: 316.700 đồng
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Cayennes, màu xanh có giá trị là: 151.700 đồng
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu đỏ có giá trị là: 6.899.200 đồng
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 Plus, có giá trị là: 3.514.300 đồng
- 01 nón bảo hiểm nhãn hiệu Royal có giá trị là: 316.700 đồng
- 01 nón bảo hiểm nhãn hiệu Agu có giá trị là: 316.700 đồng.
- 01 xe đạp nhãn hiệu FORNIX có giá trị là 2.300.000 đồng
- 01 ba lô nữ màu đen hiệu ZARA có giá trị là: 206.700 đồng.

Tổng giá trị tài sản trong vụ trộm cắp là 15.832.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Trong quá trình trộm cắp tài sản, các bị cáo thực hiện trộm cắp 2 lần và mỗi lần đều đủ định lượng của tội trộm, vì vậy các bị can có tình tiết tăng phạm tội 2 lần trở lên. Bị cáo T có tình tiết tăng nặng tái phạm.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo T, H, T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả cho bị hại.

Về vật chứng Th giữ trong vụ án gồm: Qua trình điều tra Cơ quan điều tra đã Th giữ và trả lại cho chủ sở hữu gồm:

Trả cho Ngô Tú Tr3: 01 hộp phấn trang điểm, màu đen, nhãn hiệu Artistry; 01 đồng hồ đeo tay loại của nam, màu trắng, nhãn hiệu Curren; 01 đồng hồ đeo tay loại của nữ, màu vàng, nhãn hiệu Rolex; 01 ba lô nữ màu đen hiệu ZARA.

Trả cho Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Cayennes, màu xanh;

Trả cho Trương Thanh Tr 01 nón bảo hiểm có kính che mặt, màu đỏ-xám, nhãn hiệu Royal; 01 nón bảo hiểm có kính che mặt, màu đen, nhãn hiệu Agu;

Trả cho Trần Thị Mỹ Tr1 01 xe đạp hiệu FONIX màu xanh.

Trả lại cho chị Tống Thị Bé H một điện thoại hiệu oppo F9, màu xanh đã Th giữ, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại của chị H không liên quan đến vụ án

Đối với 2 điện thoại của T1 và H dùng vào việc phạm tội sau khi vụ án xảy ra đã bị mất vì vậy cơ quan điều tra không thể Th giữ được.

Đối với 01 cục sạc Pin dự phòng màu đỏ đen hiệu e.VALU và 01 Điện thoại di động hiệu Oppo Neo 9, quá trình điều tra T khai mua của một người lạ mặt tại tiệm game bán cá gần nhà T. Cơ quan điều tra đã xác minh đây là tài sản trong vụ trộm tại Thành phố Rạch Giá. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã chuyển vật chứng trên cho Công an Thành phố Rạch giá xử lý theo quy định.

Đối với Giấy phép lái xe hạng B2 của anh Trương Thanh D, Theo lời khai của T1 sau khi lấy trộm đã ném bỏ trước nhà của ông N. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm gặp.

Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy 6 Plus theo lời khai của T sau khi lấy trộm đã để ở nhà. Tuy nhiên khi Cơ quan Công an khám xét không Th giữ được. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm gặp.

Đối với 01 điện thoại Oppo F7 Theo lời khai của T1 sau khi lấy trộm đã làm rơi ở khu vực ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm gặp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 83F7-1458, tên người đăng ký chủ sở hữu là Đặng Thị Thúy Ng, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà T. Th (mẹ H) bà Th mua lại của ông Lê Văn Ph, Sinh năm:1966, HKTT: KP MA, TT. ML, huyện CT, tỉnh KG (ông Ph đã chết vào ngày 26/7/2019) nhưng chưa sang tên. Vào ngày 21/6/2019 H lấy đi làm phương tiện trộm cắp tài sản bà Th hoàn toàn không biết, vì vậy sẽ đề nghị trả xe mô tô trên lại cho bà Th.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, gia đình của các bị cáo đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn N giá trị chiếc điện thoại Samsung là 3.514.300 đồng; bồi thường cho bị hại Ngô Tú Tr3 giá trị chiếc điện thoại Oppo là 6.899.200

đồng. Hiện các bị hại khác đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng B2 của anh Trương Thanh D bị mất trong vụ trộm hiện anh D không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 71/CT-VKS-CT ngày 18/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Minh T1 và Nguyễn Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Minh T1 và Nguyễn Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 09 đến 12 tháng tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Minh T1** từ 06 đến 09 tháng tù.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 06 đến 09 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử.

- Trả lại cho bà T. Th 01 chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát 83F7-1458, tên người đăng ký chủ sở hữu là Đặng Thị Thúy Nga.

- Trả lại cho chị Tống Thị Bé H 01 điện thoại hiệu oppo F9, màu xanh.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Riêng đối với Luật sư Nguyễn Tr Thọ và Luật sư Võ Văn Mạnh có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của Viện kiểm sát như sau:

Ý kiến của ông Nguyễn Tr Thọ – Luật sư Thộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ bào chữa cho bị cáo T trình bày:

- Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì Luật sư hoàn toàn thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, việc đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo T là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không phù hợp, bởi bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính hơn 02 năm, còn về án phí hình sự do gia đình bị cáo không biết nên không đóng cho bị cáo. Ngoài ra trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho người bị hại, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất mà VKS đề nghị cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự do bị cáo đã động viên gia đình khắc phục bồi thường xong cho bị hại, đồng thời người bị hại cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo T không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa của Luật sư.

*Ý kiến của ông **Võ Văn Mạnh** - Luật sư Thộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang bào chữa chỉ định cho bị cáo T1 trình bày như sau:*

Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo T1 về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên Luật sư hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, cũng mong HĐXX xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã cùng với các bị cáo còn lại tích cực động viên gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại; khi phạm tội bản thân bị cáo bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo phạm tội do sự lôi kéo và xúi dục của bị cáo T và H; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 29 Bộ luật hình sự, miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T1.

Bị cáo T1 không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa của Luật sư.

- VKS có ý kiến tranh luận với Luật sư Thọ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự thì Tr hợp bị cáo đương nhiên được xóa án tích phải thỏa mãn điều kiện bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án quy định về mức thời gian được ấn định tại điểm a, b, c, d khoản 2 điều này thì mới được xem là xóa án tích. Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo T vẫn chưa đóng án phí hình sự nên không được xem là xóa án tích. Do đó, đại diện VKS đề nghị HĐXX không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

- VKS có ý kiến tranh luận với Luật sư Mạnh: Tại thời điểm phạm tội bị cáo T1 chỉ bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi chứ không phải bị cáo bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, việc Luật sư đề nghị HĐXX miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T1 là không phù hợp nên VKS không đồng ý với quan điểm của Luật sư.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 20/6/2019 Nguyễn Văn T rủ Trần Minh T1 đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau xài thì T1 đồng ý. Đến khoảng 00 giờ, ngày 21/6/2019 T kêu H điều khiển xe chở T và T1 đi xuống Tà Niên khi đến nơi T nói với H “Về đi tao kiểm điện thoại xài” có gì điện thoại lại rước” lúc này H biết được T và T1 đi trộm cắp tài sản và đồng ý đưa rước T và T1. Sau đó, T và T1 đi bộ vào ấp VT, xã VHH, CT, KG thì cả hai phát hiện nhà ông Nguyễn Văn N không khóa cửa nên cả hai lén lút

độc nhập vào trong lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 Plus, màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Cayennes, màu xanh để trên đầu nằm của ông N. Cả hai tiếp tục vào phòng của chị Ngô Tú Tr3 lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu đỏ, 01 giấy đăng ký xe loại B2 của anh Trương Thanh D (chồng chị Tr3); T tiếp tục lấy 01 đồng hồ đeo tay loại của nam, màu trắng, nhãn hiệu Curren; 01 đồng hồ đeo tay loại của nữ, màu vàng, nhãn hiệu Rolex. T1 lấy trộm 01 ba lô màu đen, nhãn hiệu ZARA bên trong 01 hộp phấn trang điểm, màu đen, nhãn hiệu Artistry, 01 nón bảo hiểm có kính che mặt, màu đỏ-xám, nhãn hiệu Royal và 01 nón bảo hiểm có kính che mặt, màu đen, nhãn hiệu Agu, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt nhà ông N có giá trị là 13.532.000 đồng. Sau đó, cả hai tiếp tục đi qua phòng trọ của bà Trần Thị Mỹ Tr1 gần nhà ông N lấy trộm chiếc xe đạp hiệu FONIX màu xanh có giá trị là 2.300.000 đồng. Sau khi trộm được các tài sản trên, T điện thoại cho H quay lại rước cả hai đi về rồi cùng nhau chia tài sản tiêu xài. Theo kết quả định thì tổng tài sản mà các bị cáo lấy trộm có giá trị là 15.532.000 đồng. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*. Như vậy, hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại có giá trị 15.532.000 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn ở trên.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều nhận thức được việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nghiêm nếu như cố ý vi phạm. Mặc dù nhận thức trước được hậu quả xảy ra, thế nhưng với bản chất tham lam, lười lao động các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật cố ý lấy trộm tài sản của các bị hại để chia nhau tiêu xài. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây T lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này cho thấy, các bị cáo phạm tội khi có cùng 02 người trở lên và cố ý thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm nhưng do các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể mà khi xác định được tài sản thì các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi nên đây chỉ là đồng phạm

giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo T là người chủ mưu khởi sự hành vi phạm tội nên cần xử lý bị cáo T mức án cao hơn 02 bị cáo còn lại mới là thỏa đáng, đồng thời nhận thấy do tính chất phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải tách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng:

4.1 Qua hồ sơ thể hiện vào ngày 12/9/2012 bị cáo T bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” vẫn chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên trong lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng thêm 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.2 Trong vụ án này cho thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và do mỗi lần trộm giá trị tài sản đều trên 02 triệu nên các bị cáo bị áp dụng chung 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra vào ngày 07/01/2010 bị cáo T1 bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; vào ngày 19/9/2012 bị cáo H bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” tuy hai bị cáo đã được xóa án tích nhưng qua đây cần xem xét về nhân thân các bị cáo khi lượng hình mới là phù hợp.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực động viên gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T1 thì bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên bị cáo được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nghị án sẽ xem xét hình phạt khi lượng hình đối với từng bị cáo để có mức án phù hợp nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Xét đề nghị của ông Nguyễn Tr Thọ - Luật sư Thộc đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ bào chữa cho bị cáo T là có căn cứ chấp nhận một phần, riêng việc Luật sư đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T là không phù hợp, bởi theo hồ sơ thể hiện đến thời điểm phạm tội mới bị cáo vẫn chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm, đối chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự thì Tr hợp của bị cáo T không được xem là đương nhiên xóa án tích.

[8] Xét đề nghị của ông Võ Văn Mạnh - Luật sư Thộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang bào chữa chỉ định cho bị cáo T1 là có căn cứ chấp nhận một phần, riêng việc Luật sư đề nghị HĐXX tuyên miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T1 là không phù hợp bởi theo quy định tại Điều 29 Bộ luật hình sự thì bị cáo T1 không Thộc Tr hợp được miễn trách nhiệm hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

9.1 Do tài sản bị mất trộm người bị hại anh Trương Thanh Tr, bà Trần Thị Mỹ Tr1 và anh Trương Thanh D đã được nhận lại và trong đơn xin xét xử vắng mặt anh Tr, bà Tr1 và anh D không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với các bị cáo nên HĐXX không xem xét.

9.2 Trong quá trình điều tra và truy tố các bị cáo đã tích cực động viên gia đình khắc phục xong số tiền 3.514.300 đồng cho người bị hại ông Nguyễn Văn N và khắc phục xong số tiền 6.899.200 đồng cho người bị hại chị Ngô Tú Tr3, đồng thời trong đơn xin xét xử vắng mặt ông N và chị Tr3 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào thêm nên HĐXX không xem xét.

[10] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

10.1 Đối với chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát 83F7-1458, tên người đăng ký chủ sở hữu là Đặng Thị Thúy Ng. Trong quá trình điều tra đã chứng minh được đây là xe mà bà T. Th mua lại nhưng chưa sang tên việc bị cáo H lấy làm phương tiện phạm tội bà Th không hề hay biết. Do bà Th không có lỗi và tại phiên tòa bà Th xin được nhận lại chiếc xe trên đem về sử dụng. Xét yêu cầu của bà Th là phù hợp và không trái quy định pháp luật nên cần xử trả lại chiếc xe trên cho bà Th là phù hợp.

10.2 Đối với chiếc điện thoại hiệu oppo F9, màu xanh đã Th giữ tại nhà của bị cáo T nhưng trong quá trình điều tra chứng minh được chiếc điện thoại trên là của chị Tống Thị Bé H, chị H không liên quan gì đến vụ án nên cần xử trả lại điện thoại nêu trên cho chị H là phù hợp.

[11] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

01/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 03/7/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, p, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

02/ Xử phạt bị cáo **Trần Minh T1 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 22/6/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

03/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 22/6/2019.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

- Trả lại cho bà T. Th chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát 83F7-1458 không có ốp sườn 2 bên, không có cánh búng và không có ếm búng, không có mặt nạ và không có bộ đèn sau.

- Trả lại cho chị Tống Thị Bé H 01 điện thoại di động hiệu oppo F9, màu xanh đã qua sử dụng.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 44/QĐ-VKS-CT ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện huyện Châu Thành.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và Trần Minh T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các bị cáo, bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong